BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LỊCH THI
Các học phần thi trắc nghiệm trên máy tính - Học kỳ 1 - Năm học 2026-2027

Khoá	Học phần thi	Thời gian thi	Mã sinh viên	Địa điểm thi
NOPQ /K77	Sử dụng thuốc trong điều trị	14h00 ngày 04/01/2027	2201010 - 2201226	Phòng máy số 1a
			2201234 - 2201383	Phòng máy số 1b
			2201384 - 2201490	Phòng máy số 2a
			2201493 - 2201662	Phòng máy số 2b
			2201663 - 2201791	Phòng máy số 3a
			2201793 - 2201913	Phòng máy số 3b
K77	Kỹ thuật sản xuất nguyên liệu làm thuốc	9h00 ngày 13/01/2027	1901172 - 2201033	Phòng máy số 1a
			2201034 - 2201089	Phòng máy số 1b
			2201091 - 2201131	Phòng máy số 2a
			2201135 - 2201181	Phòng máy số 2b
			2201182 - 2201234	Phòng máy số 3a
			2201236 - 2201294	Phòng máy số 3b
		10h15 ngày 13/01/2027	2201296 - 2201339	Phòng máy số 1a
			2201340 - 2201382	Phòng máy số 1b
			2201383 - 2201425	Phòng máy số 2a
			2201426 - 2201473	Phòng máy số 2b
			2201474 - 2201529	Phòng máy số 3a
			2201531 - 2201595	Phòng máy số 3b
		13h00 ngày 13/01/2027	2201597 - 2201642	Phòng máy số 1a
			2201643 - 2201688	Phòng máy số 1b
			2201689 - 2201725	Phòng máy số 2a
			2201726 - 2201762	Phòng máy số 2b
			2201763 - 2201808	Phòng máy số 3a
			2201809 - 2201863	Phòng máy số 3b
		14h15 ngày 13/01/2027	2201864 - 2201914	Phòng máy số 1
K78	Dược học cổ truyền	13h00 ngày 14/12/2026	1501549 - 2301020	Phòng máy số 1a
			2301021 - 2301054	Phòng máy số 1b
			2301055 - 2301084	Phòng máy số 2a
			2301085 - 2301117	Phòng máy số 2b
		14h15 ngày 14/12/2026	2301119 - 2301146	Phòng máy số 1a
			2301147 - 2301178	Phòng máy số 1b
			2301179 - 2301208	Phòng máy số 2a
			2301209 - 2301239	Phòng máy số 2b
		15h30 ngày 14/12/2026	2301240 - 2301271	Phòng máy số 1a
			2301272 - 2301304	Phòng máy số 1b
			2301305 - 2301337	Phòng máy số 2a
			2301338 - 2301367	Phòng máy số 2b

Khoá	Học phần thi	Thời gian thi	Mã sinh viên	Địa điểm thi
K78	Dược học cổ truyền	7h45 ngày 15/12/2026	2301368 - 2301401	Phòng máy số 1a
			2301403 - 2301431	Phòng máy số 1b
			2301433 - 2301468	Phòng máy số 2a
			2301469 - 2301498	Phòng máy số 2b
		9h00 ngày 15/12/2026	2301499 - 2301530	Phòng máy số 1a
			2301533 - 2301564	Phòng máy số 1b
			2301565 - 2301592	Phòng máy số 2a
			2301594 - 2301624	Phòng máy số 2b
		10h15 ngày 15/12/2026	2301625 - 2301654	Phòng máy số 1a
			2301655 - 2301687	Phòng máy số 1b
			2301688 - 2301718	Phòng máy số 2a
			2301719 - 2301749	Phòng máy số 2b
		13h00 ngày 15/12/2026	2301752 - 2301783	Phòng máy số 1a
			2301784 - 2301813	Phòng máy số 1b
K78	Pháp chế dược	13h00 ngày 17/12/2026	2201068 - 2301023	Phòng máy số 1a
			2301024 - 2301057	Phòng máy số 1b
			2301058 - 2301087	Phòng máy số 2a
			2301088 - 2301121	Phòng máy số 2b
		14h15 ngày 17/12/2026	2301122 - 2301149	Phòng máy số 1a
			2301150 - 2301181	Phòng máy số 1b
			2301182 - 2301211	Phòng máy số 2a
			2301212 - 2301242	Phòng máy số 2b
		15h30 ngày 17/12/2026	2301243 - 2301274	Phòng máy số 1a
			2301275 - 2301307	Phòng máy số 1b
			2301309 - 2301340	Phòng máy số 2a
			2301341 - 2301369	Phòng máy số 2b
		7h45 ngày 18/12/2026	2301370 - 2301404	Phòng máy số 1a
			2301405 - 2301434	Phòng máy số 1b
			2301437 - 2301470	Phòng máy số 2a
			2301471 - 2301499	Phòng máy số 2b
		9h00 ngày 18/12/2026	2301501 - 2301533	Phòng máy số 1a
			2301536 - 2301565	Phòng máy số 1b
		10h15 ngày 18/12/2026	2301566 - 2301594	Phòng máy số 2a
			2301595 - 2301624	Phòng máy số 2b
		13h00 ngày 18/12/2026	2301625 - 2301654	Phòng máy số 1a
			2301655 - 2301687	Phòng máy số 1b
			2301688 - 2301718	Phòng máy số 2a
			2301719 - 2301748	Phòng máy số 2b
		14h15 ngày 18/12/2026	2301749 - 2301783	Phòng máy số 1a
			2301784 - 2301813	Phòng máy số 1b

Khoá	Học phần thi	Thời gian thi	Mã sinh viên	Địa điểm thi
O1K78	Dịch tễ dược cơ bản	14h15 ngày 21/12/2026	2201303 - 2301143	Phòng máy số 1a
			2301144 - 2301246	Phòng máy số 1b
			2301255 - 2301392	Phòng máy số 2a
			2301407 - 2301563	Phòng máy số 2b
			2301568 - 2301706	Phòng máy số 3a
			2301723 - 2301808	Phòng máy số 3b
N1K78	Hóa sinh lâm sàng	14h15 ngày 24/12/2026	2201068 - 2301121	Phòng máy số 1a
			2301123 - 2301262	Phòng máy số 1b
			2301270 - 2301383	Phòng máy số 2a
			2301388 - 2301515	Phòng máy số 2b
			2301516 - 2301649	Phòng máy số 3a
			2301653 - 2301787	Phòng máy số 3b
K78	Bào chế và sinh dược học 1	7h45 ngày 28/12/2026	1501549 - 2301004	Phòng máy số 1a
			2301005 - 2301038	Phòng máy số 1b
			2301039 - 2301067	Phòng máy số 2a
			2301068 - 2301100	Phòng máy số 2b
			2301101 - 2301133	Phòng máy số 3a
			2301134 - 2301166	Phòng máy số 3b
		9h00 ngày 28/12/2026	2301167 - 2301198	Phòng máy số 1a
			2301199 - 2301228	Phòng máy số 1b
			2301229 - 2301263	Phòng máy số 3a
			2301264 - 2301299	Phòng máy số 3b
		10h15 ngày 28/12/2026	2301300 - 2301332	Phòng máy số 1a
			2301334 - 2301363	Phòng máy số 1b
			2301364 - 2301394	Phòng máy số 2a
			2301395 - 2301424	Phòng máy số 2b
			2301425 - 2301463	Phòng máy số 3a
			2301464 - 2301497	Phòng máy số 3b
		13h00 ngày 28/12/2026	2301498 - 2301528	Phòng máy số 1a
			2301530 - 2301562	Phòng máy số 1b
			2301563 - 2301590	Phòng máy số 2a
			2301591 - 2301620	Phòng máy số 2b
			2301621 - 2301653	Phòng máy số 3a
			2301654 - 2301687	Phòng máy số 3b
		14h15 ngày 28/12/2026	2301688 - 2301719	Phòng máy số 1a
			2301721 - 2301752	Phòng máy số 1b
			2301753 - 2301784	Phòng máy số 2a
			2301785 - 2301813	Phòng máy số 2b
K79	Hóa sinh	7h45 ngày 23/12/2026	2301089 - 2401029	Phòng máy số 1a
			2401030 - 2401057	Phòng máy số 1b
			2401058 - 2401084	Phòng máy số 2a

Khoá	Học phần thi	Thời gian thi	Mã sinh viên	Địa điểm thi
K79	Hóa sinh	7h45 ngày 23/12/2026	2401085 - 2401117	Phòng máy số 2b
			2401118 - 2401148	Phòng máy số 3a
			2401149 - 2401181	Phòng máy số 3b
		9h00 ngày 23/12/2026	2401182 - 2401210	Phòng máy số 1a
			2401212 - 2401239	Phòng máy số 1b
			2401240 - 2401267	Phòng máy số 2a
			2401268 - 2401296	Phòng máy số 2b
			2401297 - 2401331	Phòng máy số 3a
			2401332 - 2401364	Phòng máy số 3b
		10h15 ngày 23/12/2026	2401365 - 2401393	Phòng máy số 1a
			2401394 - 2401421	Phòng máy số 1b
			2401422 - 2401448	Phòng máy số 2a
			2401450 - 2401478	Phòng máy số 2b
			2401479 - 2401510	Phòng máy số 3a
			2401511 - 2401543	Phòng máy số 3b
		13h00 ngày 23/12/2026	2401544 - 2401573	Phòng máy số 1a
			2401575 - 2401605	Phòng máy số 1b
			2401607 - 2401634	Phòng máy số 2a
			2401635 - 2401662	Phòng máy số 2b
		14h15 ngày 23/12/2026	2401663 - 2401690	Phòng máy số 1a
			2401691 - 2401718	Phòng máy số 1b
			2401719 - 2401748	Phòng máy số 2a
			2401749 - 2401774	Phòng máy số 2b
K79	Bệnh học - 4TC	14h00 ngày 30/12/2026	2301089 - 2401028	Phòng máy số 2a
			2401029 - 2401056	Phòng máy số 2b
			2401057 - 2401087	Phòng máy số 3a
			2401088 - 2401124	Phòng máy số 3b
		15h15 ngày 30/12/2026	2401125 - 2401152	Phòng máy số 1a
			2401153 - 2401182	Phòng máy số 1b
			2401183 - 2401210	Phòng máy số 2a
			2401212 - 2401238	Phòng máy số 2b
			2401239 - 2401270	Phòng máy số 3a
			2401271 - 2401303	Phòng máy số 3b
		8h45 ngày 31/12/2026	2401304 - 2401335	Phòng máy số 1a
			2401336 - 2401365	Phòng máy số 1b
			2401366 - 2401393	Phòng máy số 2a
			2401394 - 2401420	Phòng máy số 2b
			2401421 - 2401452	Phòng máy số 3a
			2401453 - 2401486	Phòng máy số 3b
		10h00 ngày 31/12/2026	2401487 - 2401514	Phòng máy số 1a
			2401515 - 2401544	Phòng máy số 1b

Khoá	Học phần thi	Thời gian thi	Mã sinh viên	Địa điểm thi
K79	Bệnh học - 4TC	10h00 ngày 31/12/2026	2401545 - 2401573	Phòng máy số 2a
			2401575 - 2401605	Phòng máy số 2b
			2401607 - 2401638	Phòng máy số 3a
			2401639 - 2401671	Phòng máy số 3b
		14h00 ngày 31/12/2026	2401672 - 2401688	Phòng máy số 1a
			2401689 - 2401717	Phòng máy số 1b
			2401718 - 2401747	Phòng máy số 2a
			2401748 - 2401774	Phòng máy số 2b
K80	Tiếng Anh 2	7h45 ngày 11/12/2026	2401251 - 2501030	Phòng máy số 1a
			2501031 - 2501064	Phòng máy số 1b
			2501066 - 2501104	Phòng máy số 2a
			2501107 - 2501138	Phòng máy số 2b
		9h00 ngày 11/12/2026	2501140 - 2501176	Phòng máy số 1a
			2501178 - 2501219	Phòng máy số 1b
			2501220 - 2501251	Phòng máy số 2a
			2501252 - 2501286	Phòng máy số 2b
		10h15 ngày 11/12/2026	2501287 - 2501323	Phòng máy số 1a
			2501324 - 2501363	Phòng máy số 1b
			2501366 - 2501397	Phòng máy số 2a
			2501398 - 2501434	Phòng máy số 2b
		13h00 ngày 11/12/2026	2501439 - 2501475	Phòng máy số 1a
			2501478 - 2501512	Phòng máy số 1b
			2501513 - 2501542	Phòng máy số 2a
			2501543 - 2501576	Phòng máy số 2b
		14h15 ngày 11/12/2026	2501577 - 2501611	Phòng máy số 1a
			2501612 - 2501642	Phòng máy số 1b
			2501644 - 2501680	Phòng máy số 2a
			2501682 - 2501712	Phòng máy số 2b
		15h30 ngày 11/12/2026	2501716 - 2501754	Phòng máy số 1
K80	Kinh tế chính trị Mác Lênin	7h45 ngày 16/12/2026	2401251 - 2501025	Phòng máy số 1a
			2501026 - 2501055	Phòng máy số 1b
			2501056 - 2501085	Phòng máy số 2a
			2501086 - 2501116	Phòng máy số 2b
		9h00 ngày 16/12/2026	2501117 - 2501140	Phòng máy số 1a
			2501141 - 2501172	Phòng máy số 1b
			2501173 - 2501202	Phòng máy số 2a
			2501203 - 2501230	Phòng máy số 2b
		10h15 ngày 16/12/2026	2501231 - 2501259	Phòng máy số 1a
			2501260 - 2501289	Phòng máy số 1b
			2501290 - 2501316	Phòng máy số 2a
			2501317 - 2501347	Phòng máy số 2b

Khoá	Học phần thi	Thời gian thi	Mã sinh viên	Địa điểm thi
K80	Kinh tế chính trị Mác Lênin	13h00 ngày 16/12/2026	2501348 - 2501376	Phòng máy số 1a
			2501377 - 2501405	Phòng máy số 1b
			2501406 - 2501435	Phòng máy số 2a
			2501436 - 2501463	Phòng máy số 2b
		14h15 ngày 16/12/2026	2501464 - 2501493	Phòng máy số 1a
			2501494 - 2501523	Phòng máy số 1b
			2501524 - 2501550	Phòng máy số 2a
			2501551 - 2501578	Phòng máy số 2b
		15h30 ngày 16/12/2026	2501579 - 2501610	Phòng máy số 1a
			2501611 - 2501639	Phòng máy số 1b
			2501640 - 2501667	Phòng máy số 2a
			2501668 - 2501696	Phòng máy số 2b
		7h45 ngày 17/12/2026	2501697 - 2501726	Phòng máy số 1a
			2501727 - 2501755	Phòng máy số 1b
K80	Giải phẫu sinh lý	14h00 ngày 29/12/2026	2201261 - 2501021	Phòng máy số 1a
			2501022 - 2501050	Phòng máy số 1b
			2501052 - 2501081	Phòng máy số 2a
			2501082 - 2501112	Phòng máy số 2b
			2501113 - 2501145	Phòng máy số 3a
			2501146 - 2501179	Phòng máy số 3b
		15h15 ngày 29/12/2026	2501180 - 2501210	Phòng máy số 1a
			2501211 - 2501240	Phòng máy số 1b
			2501241 - 2501267	Phòng máy số 2a
			2501268 - 2501296	Phòng máy số 2b
			2501297 - 2501328	Phòng máy số 3a
			2501329 - 2501361	Phòng máy số 3b
		8h45 ngày 30/12/2026	2501362 - 2501390	Phòng máy số 1a
			2501391 - 2501421	Phòng máy số 1b
			2501422 - 2501449	Phòng máy số 2a
			2501450 - 2501479	Phòng máy số 2b
			2501480 - 2501510	Phòng máy số 3a
			2501511 - 2501542	Phòng máy số 3b
		10h00 ngày 30/12/2026	2501543 - 2501570	Phòng máy số 1a
			2501571 - 2501603	Phòng máy số 1b
			2501604 - 2501630	Phòng máy số 2a
			2501631 - 2501659	Phòng máy số 2b
			2501660 - 2501691	Phòng máy số 3a
			2501692 - 2501724	Phòng máy số 3b
		14h00 ngày 30/12/2026	2501726 - 2501755	Phòng máy số 1
K81	Đại cương sinh học phân tử tế bào	7h45 ngày 05/01/2027	2201528 - 2601030	Phòng máy số 1a
			2601031 - 2601062	Phòng máy số 1b

Khoá	Học phần thi	Thời gian thi	Mã sinh viên	Địa điểm thi
K81	Đại cương sinh học phân tử tế bào	7h45 ngày 05/01/2027	2601063 - 2601090	Phòng máy số 2a
			2601091 - 2601119	Phòng máy số 2b
			2601120 - 2601153	Phòng máy số 3a
			2601154 - 2601189	Phòng máy số 3b
		9h00 ngày 05/01/2027	2601190 - 2601219	Phòng máy số 1a
			2601220 - 2601250	Phòng máy số 1b
			2601251 - 2601281	Phòng máy số 2a
			2601282 - 2601310	Phòng máy số 2b
			2601312 - 2601345	Phòng máy số 3a
			2601346 - 2601377	Phòng máy số 3b
		10h15 ngày 05/01/2027	2601378 - 2601407	Phòng máy số 1a
			2601408 - 2601436	Phòng máy số 1b
			2601437 - 2601463	Phòng máy số 2a
			2601464 - 2601492	Phòng máy số 2b
			2601493 - 2601527	Phòng máy số 3a
			2601528 - 2601562	Phòng máy số 3b
		13h00 ngày 05/01/2027	2601563 - 2601590	Phòng máy số 1a
			2601591 - 2601620	Phòng máy số 1b
			2601621 - 2601650	Phòng máy số 2a
			2601651 - 2601680	Phòng máy số 2b
K81	Tin học ứng dụng	7h45 ngày 08/01/2027	2601001 - 2601031	Phòng máy số 1a
			2601032 - 2601063	Phòng máy số 1b
			2601064 - 2601091	Phòng máy số 2a
			2601092 - 2601120	Phòng máy số 2b
			2601121 - 2601154	Phòng máy số 3a
			2601155 - 2601190	Phòng máy số 3b
		9h00 ngày 08/01/2027	2601191 - 2601220	Phòng máy số 1a
			2601221 - 2601251	Phòng máy số 1b
			2601252 - 2601282	Phòng máy số 2a
			2601283 - 2601312	Phòng máy số 2b
			2601313 - 2601346	Phòng máy số 3a
			2601347 - 2601378	Phòng máy số 3b
		10h15 ngày 08/01/2027	2601379 - 2601408	Phòng máy số 1a
			2601409 - 2601437	Phòng máy số 1b
			2601438 - 2601464	Phòng máy số 2a
			2601465 - 2601493	Phòng máy số 2b
			2601494 - 2601528	Phòng máy số 3a
			2601529 - 2601563	Phòng máy số 3b
		13h00 ngày 08/01/2027	2601564 - 2601591	Phòng máy số 1a
			2601592 - 2601621	Phòng máy số 1b
			2601622 - 2601651	Phòng máy số 2a
			2601652 - 2601680	Phòng máy số 2b

Khoá	Học phần thi	Thời gian thi	Mã sinh viên	Địa điểm thi
K81	Pháp luật đại cương	7h45 ngày 11/01/2027	2601001 - 2601031	Phòng máy số 1a
			2601032 - 2601063	Phòng máy số 1b
			2601064 - 2601091	Phòng máy số 2a
			2601092 - 2601120	Phòng máy số 2b
			2601121 - 2601154	Phòng máy số 3a
			2601155 - 2601190	Phòng máy số 3b
		9h00 ngày 11/01/2027	2601191 - 2601220	Phòng máy số 1a
			2601221 - 2601251	Phòng máy số 1b
			2601252 - 2601282	Phòng máy số 2a
			2601283 - 2601312	Phòng máy số 2b
			2601313 - 2601346	Phòng máy số 3a
			2601347 - 2601378	Phòng máy số 3b
		10h15 ngày 11/01/2027	2601379 - 2601408	Phòng máy số 1a
			2601409 - 2601437	Phòng máy số 1b
			2601438 - 2601464	Phòng máy số 2a
			2601465 - 2601493	Phòng máy số 2b
			2601494 - 2601528	Phòng máy số 3a
			2601529 - 2601563	Phòng máy số 3b
		13h00 ngày 11/01/2027	2601564 - 2601591	Phòng máy số 1a
			2601592 - 2601621	Phòng máy số 1b
			2601622 - 2601651	Phòng máy số 2a
			2601652 - 2601680	Phòng máy số 2b
K81	Hóa đại cương vô cơ	7h45 ngày 15/01/2027	2601001 - 2601031	Phòng máy số 1a
			2601032 - 2601063	Phòng máy số 1b
			2601064 - 2601091	Phòng máy số 2a
			2601092 - 2601120	Phòng máy số 2b
			2601121 - 2601154	Phòng máy số 3a
			2601155 - 2601190	Phòng máy số 3b
		9h00 ngày 15/01/2027	2601191 - 2601220	Phòng máy số 1a
			2601221 - 2601251	Phòng máy số 1b
			2601252 - 2601282	Phòng máy số 2a
			2601283 - 2601312	Phòng máy số 2b
			2601313 - 2601346	Phòng máy số 3a
			2601347 - 2601378	Phòng máy số 3b
		10h15 ngày 15/01/2027	2601379 - 2601408	Phòng máy số 1a
			2601409 - 2601437	Phòng máy số 1b
			2601438 - 2601464	Phòng máy số 2a
			2601465 - 2601493	Phòng máy số 2b
			2601494 - 2601528	Phòng máy số 3a
			2601529 - 2601563	Phòng máy số 3b

Khoá	Học phần thi	Thời gian thi	Mã sinh viên	Địa điểm thi
K81	Hóa đại cương vô cơ	13h00 ngày 15/01/2027	2601564 - 2601591	Phòng máy số 1a
			2601592 - 2601621	Phòng máy số 1b
			2601622 - 2601651	Phòng máy số 2a
			2601652 - 2601680	Phòng máy số 2b
HLDH	Pháp luật đại cương và các quy định trong ngành Dược	14h15 ngày 09/12/2026	1501549 - 1501549	Phòng máy số 2b
HLDH	Môi trường	10h15 ngày 18/12/2026	1501549 - 1501549	Phòng máy số 1b
HLDH	Ngoại ngữ 2	14h15 ngày 18/12/2026	1701292 - 1901228	Phòng máy số 2b
HLDH	Tin học	14h15 ngày 23/12/2026	1501549 - 1501549	Phòng máy số 2b
HLDH	Ngoại ngữ 3	9h00 ngày 24/12/2026	1501549 - 1901228	Phòng máy số 2b
A0K78	Dược học cổ truyền	13h00 ngày 15/12/2026	2301011 - 2301461	Phòng máy số 2a
			2301462 - 2301777	Phòng máy số 2b
A0K78	Pháp chế dược	14h15 ngày 18/12/2026	2301011 - 2301432	Phòng máy số 2a
			2301436 - 2301777	Phòng máy số 2b
A0K78	Bào chế và sinh dược học 1	9h00 ngày 22/12/2026	2301011 - 2301432	Phòng máy số 1a
			2301436 - 2301777	Phòng máy số 1b
A0K78	Dược lâm sàng đại cương	15h30 ngày 28/12/2026	2301011 - 2301432	Phòng máy số 1a
			2301436 - 2301777	Phòng máy số 1b
LKK2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin/ Marxist - Leninist Political Economy	9h00 ngày 16/12/2026	2501079 - 2501597	Phòng máy số 1a
LKK2	Y học cơ bản / Basic Medicine	14h00 ngày 31/12/2026	2501079 - 2501597	Phòng máy số 1a
H1K5	Dược lý đại cương	14h15 ngày 10/12/2026	2291033 - 2491028	Phòng máy số 2a
			2491029 - 2491063	Phòng máy số 2b
H1K6	Giải phẫu sinh lý	9h00 ngày 10/12/2026	2591002 - 2591030	Phòng máy số 2a
			2591031 - 2591063	Phòng máy số 2b
H1K6	Hóa phân tích 2	9h00 ngày 18/12/2026	2591002 - 2591030	Phòng máy số 2a
			2591031 - 2591063	Phòng máy số 2b
H1K6	Hóa lý dược	9h00 ngày 28/12/2026	2591002 - 2591030	Phòng máy số 2a
			2591031 - 2591063	Phòng máy số 2b
H1K6	Bệnh học	15h15 ngày 31/12/2026	2591002 - 2591030	Phòng máy số 2a
			2591031 - 2591063	Phòng máy số 2b
H1K7	Vật lý ứng dụng	9h00 ngày 25/12/2026	2691001 - 2691028	Phòng máy số 1a
			2691029 - 2691059	Phòng máy số 1b
			2691060 - 2691094	Phòng máy số 2
H1K7	Đại cương sinh học phân tử tế bào	14h15 ngày 05/01/2027	2691001 - 2691028	Phòng máy số 1a
			2691029 - 2691059	Phòng máy số 1b
			2691060 - 2691094	Phòng máy số 2
H1K7	Tin học ứng dụng	14h15 ngày 08/01/2027	2691001 - 2691028	Phòng máy số 1a
			2691029 - 2691059	Phòng máy số 1b
			2691060 - 2691094	Phòng máy số 2

Khoá	Học phần thi	Thời gian thi	Mã sinh viên	Địa điểm thi
H1K7	Pháp luật đại cương	14h15 ngày 11/01/2027	2691001 - 2691028	Phòng máy số 1a
			2691029 - 2691059	Phòng máy số 1b
			2691060 - 2691094	Phòng máy số 2
H1K7	Triết học Mác Lênin	14h15 ngày 15/01/2027	2691001 - 2691028	Phòng máy số 1a
			2691029 - 2691059	Phòng máy số 1b
			2691060 - 2691094	Phòng máy số 2
HLHD	Hóa dược 2	13h00 ngày 15/12/2026	2291007 - 2291039	Phòng máy số 2b
C1K4	Môi trường	10h15 ngày 18/12/2026	2471017 - 2571028	Phòng máy số 1a
			2571029 - 2571060	Phòng máy số 1b
C1K4	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	9h00 ngày 24/12/2026	2471017 - 2571028	Phòng máy số 1a
			2571029 - 2571060	Phòng máy số 1b
C1K4	Thực vật	14h15 ngày 28/12/2026	2371027 - 2571026	Phòng máy số 3a
			2571027 - 2571060	Phòng máy số 3b
C1K5	Sinh học đại cương	10h15 ngày 25/12/2026	2671001 - 2671033	Phòng máy số 1a
			2671034 - 2671064	Phòng máy số 1b
C1K5	Công nghệ số và trí tuệ nhân tạo cơ bản	15h15 ngày 04/01/2027	2671001 - 2671033	Phòng máy số 1a
			2671034 - 2671064	Phòng máy số 1b
C1K5	Hóa đại cương	15h30 ngày 08/01/2027	2671001 - 2671033	Phòng máy số 1a
			2671034 - 2671064	Phòng máy số 1b
C1K5	Pháp luật đại cương	14h15 ngày 11/01/2027	2471016 - 2671032	Phòng máy số 3a
			2671033 - 2671064	Phòng máy số 3b
C1K5	Triết học Mác Lênin	14h15 ngày 15/01/2027	2671001 - 2671033	Phòng máy số 3a
			2671034 - 2671064	Phòng máy số 3b
HLHH	Tin học ứng dụng	14h15 ngày 08/01/2027	2371020 - 2371020	Phòng máy số 2
S1K3	Quản lý học đại cương	14h15 ngày 09/12/2026	2381014 - 2481034	Phòng máy số 2a
			2481036 - 2481064	Phòng máy số 2b
S1K3	Bệnh học	14h00 ngày 31/12/2026	2381014 - 2481031	Phòng máy số 3a
			2481033 - 2481064	Phòng máy số 3b
S1K4	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	9h00 ngày 24/12/2026	2581001 - 2581027	Phòng máy số 2a
			2581028 - 2581047	Phòng máy số 2b
S1K5	Vật lý ứng dụng	10h15 ngày 25/12/2026	2681001 - 2681029	Phòng máy số 2a
			2681030 - 2681063	Phòng máy số 2b
S1K5	Hóa đại cương - vô cơ	15h15 ngày 31/12/2026	2681001 - 2681029	Phòng máy số 1a
			2681030 - 2681063	Phòng máy số 1b
S1K5	Công nghệ số và trí tuệ nhân tạo cơ bản	15h15 ngày 04/01/2027	2681001 - 2681029	Phòng máy số 2a
			2681030 - 2681063	Phòng máy số 2b
S1K5	Tiếng Anh 1	15h30 ngày 08/01/2027	2681001 - 2681028	Phòng máy số 2a
			2681029 - 2681063	Phòng máy số 2b
S1K5	Pháp luật đại cương	13h00 ngày 11/01/2027	2681001 - 2681029	Phòng máy số 3a
			2681030 - 2681063	Phòng máy số 3b

Khoá	Học phần thi	Thời gian thi	Mã sinh viên	Địa điểm thi
HLCS	Tin học ứng dụng	14h15 ngày 08/01/2027	2581019 - 2581019	Phòng máy số 2

Ghi chú:

- Yêu cầu sinh viên có mặt tại phòng máy trước giờ thi 30 phút.

Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2026

Người lập kế hoạch	KT. Trưởng phòng QLĐT Phó trưởng phòng QLĐT	KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Hà Dương	Trần Thị Lan Hương	Nguyễn Mạnh Tuyển